



## **“LỆ ĐỒNG MÔN” TỔNG VÂN TỤ HUYỆN YÊN THÀNH NÉT ĐẸP VỀ TRUYỀN THỐNG TÔN SƯ TRỌNG ĐẠO** *(Qua tư liệu Tục lệ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm)*

■ Lê Thị Thu Hương  
*Viện Nghiên cứu Hán Nôm*

“Tôn sư trọng đạo” là truyền thống tốt đẹp mang đậm giá trị nhân văn của dân tộc Việt Nam. Truyền thống đó được ông cha ta tạo dựng, bồi đắp từ ngàn xưa cho đến nay. Thẩm nhũn đạo lý “công cha, nghĩa mẹ, ơn thầy”, các thế hệ học trò Nghệ An luôn tâm niệm thầy là người dạy dỗ, giúp ta thành công trên con đường sự nghiệp, vì vậy, ơn thầy cũng giống như ơn cha mẹ sinh thành, nuôi dưỡng. Điều đó được thể hiện rõ qua lệ đồng môn của các thôn, xã thuộc tổng Vân Tụ, huyện Yên Thành hiện đang lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Đây là nét đặc trưng văn hóa mang tính vùng miền, bởi tại Nghệ An cũng như nhiều tỉnh khác, lệ đồng môn rất ít được ghi chép trong hương ước, tục lệ của làng xã.

## 1. Tổng Vân Tụ, huyện Yên Thành qua tư liệu địa chí

Theo *Đại Nam nhất thống chí*, “Huyện Yên Thành: Năm Minh Mệnh thứ 18 (1837) trích đất 5 tổng thuộc huyện Đông Thành để đặt huyện này; năm thứ 21 (1840) lại trích lấy một tổng Cự Lâm cho thuộc vào huyện Nghĩa Đường, phủ Quy Châu. Năm Tự Đức thứ 4 (1851) bỏ Tri huyện, do phủ kiêm lý. Nay lãnh 4 tổng, 118 xã thôn”<sup>(1)</sup>.

Theo *Đồng Khánh địa dư chí*, Vân Tụ là 1 trong 5 tổng (Cao Xá, Lý Trai, Thái Xá, Quan Trung, Vân Tụ) thuộc huyện Đông Thành, phủ Diễn Châu. Thời đó, tổng Vân Tụ gồm 10 xã: Vân Tụ, Tiên Đường, Đông Yên, Hiệp Hòa, Tiên Kỳ Ngoại, Tiên Nông, Yên Lăng, Vân Đội, Quảng Động và Lan Xá<sup>(2)</sup>.

Năm Thành Thái thứ 10 (1898), thực dân Pháp và chính quyền nhà Nguyễn nhận thấy chia 2 huyện Đông Thành và Yên Thành theo chiều Đông Tây, thì địa dư từ Tây sang Đông quá dài, bề ngang lại hẹp nên chia lại hai huyện theo chiều Nam Bắc. Huyện Đông Thành về phía Đông, huyện Yên Thành về phía Tây, đều thuộc phủ Diễn Châu. Huyện Yên Thành gồm các tổng: Quy Trạch (tức Thái Trạch); Quan Hóa (tức Quan Triều); Vân Tụ; Quan Trung và lập thêm tổng Vân Hội, lý sở Yên Thành chuyển về làng Phụng Luật, xã Hợp Thành. Từ năm 1919, bỏ cấp phủ, đổi huyện Đông Thành, phủ Diễn Châu ngang cấp với huyện Yên Thành. Trong lịch sử, huyện Yên Thành là cái nôi sản sinh ra nhiều nhà khoa bảng, danh nhân lịch sử, tiêu biểu như: Trạng nguyên Bạch Liêu, người khai khoa của Nghệ An; nhà sử học Hồ Tông Thốc; Tiến sĩ Trần Đình Phong; Đình nguyên Phan Thúc Trực...

## 2. Tục lệ Hán Nôm của Nghệ An ghi chép về lệ đồng môn

Theo thống kê, nguồn tư liệu tục lệ Hán Nôm của tỉnh Nghệ An tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm hiện có 276 văn bản có nội dung khuyến học. Điều lệ khuyến

học khá đa dạng, phong phú, thể hiện trên cả hai phương diện: hỗ trợ về mặt vật chất (như mở trường dựng lớp, thưởng giấy bút mực, thưởng ruộng học, miễn sưu sai tạp dịch, biểu phần sau các kỳ tế lễ...) và động viên về mặt tinh thần (đề danh khoa bảng, vinh quy bái tổ, vị trí nơi đình trung, cầu khoa, tạ khoa...).

Điều lệ khuyến học trên được rất nhiều văn bản tục lệ ghi chép, như: lệ mừng thưởng cho các vị tân khoa được 217/276 văn bản tục lệ đề cập (78,6%); lệ biểu phần có 138/276 văn bản (50%), lệ vinh quy bái tổ có 125/276 văn bản ghi chép (45%), trong khi đó lệ đồng môn được rất ít văn bản tục lệ ghi lại. Trong tổng số 276 văn bản tục lệ khuyến học của Nghệ An, chỉ có 17 văn bản tục lệ có lệ đồng môn, chiếm 6,2%. Đó là: tục lệ thôn Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu (ký hiệu A.3154), tục lệ thôn An Cư, tổng Phù Long, huyện Hưng Nguyên (ký hiệu AF b1/1), còn lại là tục lệ của 15 thôn xã thuộc tổng Vân Tụ, huyện Yên Thành. Cụ thể là: tục lệ thôn Phú Ninh, giáp Ngọc Hạ, thôn Trung Phú, thôn Nam, thôn Phúc Duệ, thôn An Vinh thuộc xã Vân Tụ; thôn Thọ Lão, thôn Kim Liên, thôn Yên Lăng thuộc xã Yên Lăng; thôn Thịnh Đức, thôn Trịnh Sơn Công Luận thuộc xã Quảng Động; thôn Phong Niên, xã Tiên Cảnh; xã Hợp Hòa; thôn Tiên Nông, xã Phong Niên. Tục lệ của 15 giáp, thôn, xã trên được chép trong cuốn *安城縣雲岫德各社村鄉例 Yên Thành huyện Vân Tụ tổng các xã thôn hương lệ* (ký hiệu VNv.7/1-2), hiện lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

Chúng tôi đã tiến hành khảo sát tục lệ của một số tỉnh như Hà Nội, Hưng Yên, Thanh Hóa, Bắc Ninh đều không thấy có lệ đồng môn trong văn bản tục lệ của các tỉnh này. Có sự chênh lệch khá lớn về tỷ lệ xuất hiện lệ đồng môn so với các điều lệ khuyến học khác trong các văn bản tục lệ. Có thể lý giải rằng, lệ đồng môn là lệ của những người cùng học chung một thầy giáo, được coi là lệ của nhóm người nhỏ so với các lệ khác của cả cộng đồng cư dân trong làng xã, như lệ vinh quy, mừng thưởng, lệ biểu phần... nên thường ít được người dân đưa vào trong các văn bản tục lệ của địa phương. Song có điều khá đặc biệt, trong số 17 văn bản tục lệ có ghi chép về lệ đồng môn của tỉnh Nghệ An thì có đến 15 văn bản là của các thôn, xã

thuộc tổng Vân Tụ. Điều đó thể hiện tinh thần gắn kết giữa thầy và trò nơi đây, thể hiện đạo lý “tôn sư trọng đạo”, “uống nước nhớ nguồn” và là nét đặc trưng trong hoạt động khuyến học của vùng đất hiếu học này.

### 3. Lệ đồng môn tổng Vân Tụ qua ghi chép của các văn bản tục lệ

Theo *Từ điển Hán Việt*, “đồng môn” là cùng học một thầy<sup>(3)</sup>. *Đại từ điển Tiếng Việt*, “đồng môn: cùng học một thầy, thời phong kiến”<sup>(4)</sup>. Hiểu rộng ra, “đồng môn” chỉ những người cùng học một thầy, một trường hoặc một môn phái thời phong kiến, từ đó có từ “bạn đồng môn”, “anh em đồng môn”... Tại Nghệ An, Hội đồng môn được lập ra với nhóm ít thì năm ba người, nhiều thì chục người, cùng học chung một thầy. Họ nhóm nhau lại, đề ra những quy định, chủ yếu xoay quanh việc lễ tết, thăm hỏi thầy lúc ốm đau, khi gia đình thầy có việc vui buồn, khi thầy qua đời, giỗ chạp thầy.

Nhóm năm, mười người cùng học một thầy, thường chọn một người Giám trường (người trông coi trường) thu giữ tiền quỹ của Hội, ghi chép đầy đủ vào sổ, khi thầy có việc báo cho Hội đến chúc mừng hoặc phúng điếu. Như trường hợp giáp Ngọc Long, xã Vân Tụ: “*Trong làng có ông thầy dạy học dạy được năm người, mười người học trò. Thời anh em rủ nhau bầu chọn người Giám trường, khi thầy có việc gì thời Giám trường phải báo đồng môn biện trâu rệu hoặc tiền đi mừng*”<sup>(5)</sup> hay “*Dân tôi năm, mười người học trò học với một thầy thời họp nhau lại, làm một quyển sổ ghi tên vào, đóng mỗi người tiền một quan, bầu một người Giám trường giữ sổ biên kí tiền đóng ấy, khi nào thầy có việc gì thời lấy tiền ấy mà đi thăm thầy cho phải nghĩa sư đạo gọi là lệ đồng môn*”<sup>(6)</sup>.

Quy định lệ đồng môn các thôn, xã thuộc tổng Vân Tụ xoay quanh các nội dung: trả công ơn thầy; thăm hỏi khi thầy

còn sống; phúng viếng, giỗ chạp khi thầy qua đời.

*Trà ơn thầy giáo*: “Nhất tự vi sư, bán tự vi sư” (một chữ là thầy, nửa chữ cũng là thầy), câu nói đó chứa đựng quan niệm dân gian sâu sắc về sự học và đạo thầy trò. Không có thầy, chúng ta khó có cơ hội trau dồi kiến thức, tư cách, tiến bộ để “thành người” và “thành tài”. Vì vậy, “ơn thầy” là điều không thể không có đối với mỗi người học trò. Tại thôn Trịnh Sơn Công Luận, xã Quảng Động, học trò hiểu được sự vất vả, khó nhọc của người thầy khi truyền dạy kiến thức, họ nghĩ rằng việc lập ra lệ đồng môn với mong muốn được trả công ơn của thầy: “*Dân tôi có ông thầy học dạy học trò, khi đầu thời dạy nghĩa, dạy viết; sau thời dạy văn, dạy bài, khó nhọc lắm... cảm đến công ơn thầy, cho nên, làm ra lệ đồng môn để trả công ơn thầy. Tục ngữ nói rằng: muốn cho hay chữ thời yêu lấy thầy là phải lắm*”<sup>(7)</sup>. Học trò thôn Trung Phú, xã Vân Tụ cũng thấu hiểu: “*Dân làng tôi có ông thầy dạy học trò khó nhọc lắm. Kẻ học trò nghĩ rằng muốn qua thời bắc cầu Kiều, muốn cho hay chữ phải yêu lấy thầy, cho nên mới ra lệ đồng môn để mà giả công ơn cho thầy ấy*”<sup>(8)</sup>. Việc trả công ơn thầy dạy được dân thôn Phong Niên, xã Tiên Cảnh, tổng Vân Tụ cụ thể bằng việc: “*Hễ đến khi thầy có việc thời học trò đem tiền gạo đến, khi thầy chết mặc áo trắng mà đi để giả công ơn thầy*”<sup>(9)</sup>.

*Thăm hỏi khi thầy còn sống*: Học trò thôn Phúc Duệ, xã Vân Tụ và thôn Nam, xã Vân Tụ đặt ra lệ đồng môn với quy định mỗi người góp một quan tiền làm của công, khi nào thầy có việc gì thời lấy đó mà chi biện cho tiện: “*Dân tôi năm mười người học trò học với một thầy thời họp nhau lại làm một cái sổ ghi tên vào, đóng lại mỗi người một quan tiền, bầu một người Giám trường giữ sổ, biên kí tiền đóng ấy, khi nào thầy có việc gì thời lấy tiền ấy mà đi thăm thầy cho phải nghĩa sư đạo, gọi là lệ đồng môn*”<sup>(10)</sup>.

Dân gian xưa có câu “Mồng Một tết cha, Mồng Hai tết mẹ, Mồng Ba tết thầy”. Cha mẹ là người sinh ra, nuôi dưỡng chúng ta; thầy là người truyền dạy kiến thức cho chúng ta, để chúng ta thêm hiểu biết, thành đạt. Câu thành ngữ trên không chỉ là một lời khẳng định giá trị đạo đức trong nếp sống và tư duy mà người Việt đã gìn giữ qua nhiều thế hệ mà cao hơn đó là truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, “tôn sư trọng đạo”, cái gốc làm nên cốt cách con người. Vì vậy, theo quan niệm của dân gian, ba ngày đầu của năm mới là ba ngày quan trọng nhất trong năm, phải dành sự quan

tâm, gửi gắm những điều tốt đẹp đến cha mẹ và thầy cô. Tại Nghệ An, học trò thôn Quỳnh Đôi, các thôn, xã thuộc tổng Vân Tụ chọn ngày đầu năm là ngày tết thầy, nhưng là ngày Mồng Năm tết, họ đến thăm, chúc tết thầy. Lệ đồng môn thôn Phong Niên, xã Đông Thống: “Mồng Năm ngày tết đem gạo đến tết thầy”<sup>(11)</sup>; học trò thôn Thọ Lão, xã Yên Lãng: “Mồng Năm ngày tết lễ vật tùy lòng” đến thăm thầy.

*Phúng viếng, để tang, giỗ chạp khi thầy qua đời:* Tang lễ là một nghi thức lớn, một việc trọng đại đối với cuộc đời mỗi con người. Trong các bản tục lệ khuyến học Nghệ An, rất nhiều điều lệ đề cập đến việc tang ma, thờ tự chu đáo của dân thôn đối với các nhà khoa bảng, người đỗ đạt cao trong làng, thể hiện tinh thần trọng học, trọng khoa và có ý nghĩa nhân văn sâu sắc.

Việc tang đối với thầy giáo, chúng tôi chỉ thấy có trong lệ đồng môn của các thôn, xã tổng Vân Tụ. Thôn Phú Ninh, lệ đồng môn có quy định cụ thể về việc để tang, phúng viếng thầy: “*Dân chúng tôi học trò đến học theo thầy, khi đương học phải làm lễ tiết; đến ngày thầy chết thời mặc đồ áo trắng, khăn trắng đến đưa, lại làm câu đối, cỗ xôi gà đến phúng; khi giỗ chạp đến lại cúng thầy*”<sup>(12)</sup>. Học trò xã Hợp Hòa, tổng Vân Tụ luôn coi thầy dạy như người cha thứ hai của mình, lệ đồng môn với quy định: “*mỗi người đóng mỗi quan để khi nào thầy chết thời mỗi năm làm giỗ một lần*”<sup>(13)</sup>, hay “*khi giỗ chạp thì đến cúng thầy*” như quy định của học trò thôn Phú Ninh, xã Vân Tụ. Học trò thôn Phong Niên, xã Tiên Cảnh “*khi thầy chết mặc áo trắng mà đi để trả công ơn thầy*”<sup>(14)</sup>.

Việc phúng viếng, để tang, giỗ chạp của những người học trò đối với thầy dạy được ghi chép cụ thể trong lệ đồng môn, thể hiện sự trọn nghĩa vẹn tình, trước sau như một của đạo lý “tôn sư trọng đạo”.

#### 4. Kết luận

Lệ đồng môn của các thôn, xã tổng Vân Tụ, huyện Yên Thành với những quy định cụ thể về những việc Hội đồng môn cần làm

đối với người thầy của mình. Đó là những việc làm cụ thể, liên quan trực tiếp đến cuộc sống sinh hoạt, đến việc vui, việc buồn cả khi thầy còn sống hay khi không may thầy qua đời. Lệ đồng môn không chỉ tăng sự gắn kết giữa những người cùng học với nhau, giữa trò với thầy, mà hơn cả đó là tinh thần “tôn sư trọng đạo”, “uông nước nhớ nguồn”, tri ân với những người thầy. Bởi hơn ai hết, các thế hệ học trò đều hiểu được ý nghĩa của câu thành ngữ “không thầy đố mày làm nên”.

Bên cạnh các điều lệ khuyến học khác, lệ đồng môn trong các văn bản tục lệ của các thôn, xã thuộc tổng Vân Tụ, huyện Yên Thành là nét đặc trưng khuyến học riêng mà rất ít địa phương khác có được. Thiết nghĩ, đây là việc làm cần được duy trì, nhân rộng trong cuộc sống hiện đại, khi những giá trị vật chất dần lấn át các giá trị tinh thần cao quý./.

#### Chú thích:

<sup>(1)</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, Phạm Trọng Diễm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, 2006, tập 2, tr.142.

<sup>(2)</sup> Ngô Đức Thọ, Nguyễn Văn Nguyên, Phillipe Papin (dịch), *Đồng Khánh dư địa chí*, Nxb Thế giới, tập 2, tr.1249.

<sup>(3)</sup> Đào Duy Anh, 2003, *Từ điển Hán Việt*, Nxb Văn hóa thông tin, tr.144.

<sup>(4)</sup> Nguyễn Như Ý (chủ biên), 2007, *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia TP HCM, tr.554

<sup>(5)</sup> 安城縣雲岫德雲岫社玉龍下甲, VNv.7/1, t.5a.

<sup>(6)</sup> 安城縣雲岫德雲岫社南村, VNv.7/1, t.5b.

<sup>(7)</sup> 縣安城德雲岫社廣洞村鄭山公論俗例, VNv.7/2, tr.5a.

<sup>(8)</sup> 安城縣雲岫德雲岫社中學村, VNv.7/1, t.4b-5a.

<sup>(9)</sup> 安城縣雲岫德仙境社豐年村, VNv.7/2, t.4b

<sup>(10)</sup> 安城縣雲岫德雲岫社南村, VNv.7/1, t.5b; 安城縣雲岫德雲岫社福裔村鄉例, VNv.7/1, t.5a.

<sup>(11)</sup> 安城縣雲岫德同統社豐年村, VNv.7/2, tt.5a

<sup>(12)</sup> 安城縣雲岫德雲岫社富寧村鄉例, VNv.7/1, t.6a.

<sup>(13)</sup> 縣安城德雲岫社洽和, VNv.7/2, tr.4b.

<sup>(14)</sup> 安城縣雲岫德仙境社豐年村, VNv.7/2, t.4b.

#### Tài liệu tham khảo:

1. Đào Duy Anh, 2003, *Từ điển Hán Việt*, Nxb Văn hóa thông tin, tr.144.

2. Ngô Đức Thọ, Nguyễn Văn Nguyên, Phillipe Papin (dịch), *Đồng Khánh dư địa chí*, Nxb Thế giới, tập 2, tr.1249.

3. Nguyễn Như Ý (chủ biên), 2007, *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, tr.554.

4. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, Phạm Trọng Diễm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, 2006, tập 2, tr.142.

5. 安城縣雲岫德各社村鄉例 *Yên Thành huyện Vân Tụ tổng các xã thôn hương lệ*, kí hiệu VNv.7/1-2.